

Bản án số: 78/2023/DS-PT

Ngày: 31 – 3 - 2023

V/v: “Yêu cầu bồi thường thiệt
hại”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng
02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2023/QĐ-PT ngày
07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/TB.TA ngày
06/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 22, ấp Đ, xã M, huyện C,
tỉnh An Giang - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

1.2. Bà Đoàn Ngọc M, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 22, ấp Đ, xã M, huyện
C, tỉnh An Giang - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 19, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh
An Giang - vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị L: bà Nguyễn Thị Kiều O,
sinh năm: 1990; Nơi cư trú: ấp A, xã An T, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

2.1. Ông Trần Văn Đường E, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C,
tỉnh An Giang - vắng mặt.

2.1. Ông Võ Phú C, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang - vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang - vắng mặt.

3.2. Bà Lương Thị Thúy V; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M trình bày:*

Ông Võ Văn H và bà Võ Thị L là chị em ruột, phần diện tích đất ông và vợ là Đoàn Ngọc M canh tác là phần đất của bà Võ Thị L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0146/rB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/8/1992 cho bà Võ Thị L, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Năm 2020, giữa vợ chồng ông với bà Nguyễn Thị Nha có xảy ra tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất, bà Võ Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thực hiện đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất tôi đang sử dụng trước đây vào năm 2013 đã trao đổi với bà Nha là của bà Võ Thị L, với diện tích trao đổi là 1.930m², nhưng khi đo đạc thực tế diện tích đất là 2.049m².

Đến ngày 23/02/2021 giữa vợ chồng ông với bà Võ Thị L được Tòa án tiến hành hòa giải, hai bên thống nhất hòa giải thành, với nội dung vợ chồng tôi sẽ thực hiện trả lại diện tích đất đang sử dụng cho bà L, đối với cây trồng trên đất chúng tôi sẽ tự thỏa thuận. Sau khi nhận Quyết định công nhận số 17/2021/QĐST-DS ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, vợ ông H có đến gặp bà Võ Thị L để ký kết văn bản thỏa thuận bàn giao đất, thỏa thuận giá trị cây trồng trên đất, nhưng bà L không đồng ý ký.

Sau đó, vợ chồng ông tin tưởng việc thỏa thuận tại Quyết định công nhận, rằng: chị em sẽ tự thỏa thuận với nhau về số lượng cây trồng trên đất, nên không liên hệ lại, nhưng đến ngày 25/5/2021, tôi được người quen gần nhà là ông Đoàn Chí Phúc, tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang báo vườn xoài của vợ chồng ông đang bị đốn. Khi vợ chồng ông ra vườn xoài thì toàn bộ số xoài theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2020 là 73 cây xoài Đài Loan đã bị đốn, chặt hết và được chở đi; Vợ chồng ông có báo chính quyền địa phương làm việc. Đến ngày 11/6/2021, ban ấp Đông Châu mới lập biên bản xác minh, không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, qua đó xác định vào ngày 23/5/2021 bà L có kêu ông Trần Văn Đường E thực hiện đốn, chặt toàn bộ 73 cây xoài Đài Loan nêu trên.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L, ông Trần Văn Đường E, ông Võ Phú C có trách nhiệm bồi thường giá trị các cây xoài bị đốn, chặt là 73 cây, với giá 2.400.000đồng/1 cây (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C), thành số tiền là: 175.200.000 đồng.

- Bị đơn bà Võ Thị L, ông Trần Văn Đường E và ông Võ Phú C trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Võ Thị L có bản tự khai đề ngày 18/7/2022, như sau: Năm 2013, bà có cho ông Võ Văn H và bà Đoàn Ngọc M mượn diện tích đất 1930m² mục đích để trồng lúa, thời hạn là 01 năm sẽ trả lại, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QDSĐ/cB, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1930 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/8/1992. Sau khi cho mượn xong thì ông H và bà M đã tự ý chuyển đổi canh tác từ trồng lúa sang trồng xoài, đến hết thời hạn trả lại đất cho tôi ông H đã không giữ đúng lời hứa, tôi có nhiều lần yêu cầu trả đất cho tôi nhưng ông H không đồng ý.

Đến năm 2016, bà có khởi kiện yêu cầu ông H, bà M trả lại phần diện tích đất mà tôi đã cho mượn nêu trên, theo biên bản được lập tại Tòa án nhân dân huyện C ngày 14/8/2019 thì ông H, bà M đồng ý trả đất và tự chặt bỏ các cây và không yêu cầu bồi thường; đến ngày 03/3/2021 bà nhận quyết định số 17/2021/QĐST-DS quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện C; hai bên đồng ý thỏa thuận trả lại đất, cây trồng ai người đó tự chặt. Vào ngày 23/5/2021 sẽ thực hiện, bà có đến nhà kêu ông H, bà M đốn chặt cây giao đất thì bà M yêu cầu bà tự chặt, các chi phí chặt bà tự chịu, thấy vậy bà có kêu người đốn chặt cây và di dời cây đi nơi khác với giá 14.700.000đồng.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H, bà M vì bà không được hưởng hoa lợi từ các cây trên mà lại tốn thêm tiền chặt cây mà đáng lẽ ra ông H phải trả chi phí cho bà, các cây trên trị giá tính theo giá trị bằng củi chứ không phải tính giá trị cây trồng, vì các bên đã thống nhất thỏa thuận có sự chứng kiến của Tòa án, ông H, bà M khởi kiện là vô lý. Đề nghị Tòa án buộc ông H, bà M trả lại bà số tiền 14.700.000đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Lương Thị Thúy V, không có văn bản trình bày ý kiến, không có mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào:

Căn cứ các Điều 13, 170, 364, khoản 1 Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587, 588, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 157, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M;

- Buộc bà Võ Thị L trả ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M số tiền 175.200.000đồng (*một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới bồi thường của ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M đối với ông Trần Văn Đường E, ông Võ Phú C

- Ông Trần Văn Đường E, ông Võ Phú C không phải liên đới cùng bà Võ Thị L bồi thường cho ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M.

Ngoài ra bản án còn quyết định về tiền án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 02/11/2022, bị đơn Võ Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu xét xử lại không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C về án phí. Bà Võ Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không sửa đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 13/9/2022, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử vụ án “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản” giữa nguyên đơn Võ Văn H, Đoàn Ngọc M với bị đơn Võ Thị L, Trần Văn Đường E, Võ Phú C theo Bản án số 108/2022/DS-ST ngày 13/9/2022. Phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Đến ngày 01/11/2022, bị đơn Võ Thị L nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 02/11/2022, bà L kháng cáo bản án trên. Xét về thời hạn kháng cáo, người có

quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông H, bà M yêu cầu bồi thường giá trị của 73 cây xoài Đài Loan 08 năm tuổi trở lên theo Biên bản đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2020, với giá tại thời điểm xem xét thẩm định, được định giá cùng ngày là 2.400.000đồng/1 cây với lý do bà M đã tự ý đốn chặt, trong khi tại Biên bản hòa giải ngày 23/02/2021 trong việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông với bà L ghi nhận về cây trồng trên đất như sau: “*Đối với cây trên đất các bên tự thỏa thuận*” và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2021/QĐST-DS ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C có nội dung: “*Ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị L phần đất diện tích 1.930m² đo đạc thực tế 2.049m² tại các điểm 4,5,8,9,10 theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C đo vẽ ngày 15/01/2019 thuộc tờ bản đồ số 01, thửa 1946 do bà Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng đất số 01462/rB được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/8/1992. Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian giao đất vào ngày 23/5/2021*”. Còn bị đơn Võ Thị L không đồng ý bồi thường do nguyên đơn không thực hiện việc giao đất và khi và đến yêu cầu vợ chồng ông H chặt đốn cây để giao đất thì bà kêu bà tự chặt, đồng thời bà có yêu cầu vợ chồng ông H trả lại cho bà số tiền mà bà đã thuê đốn xoài là 14.700.000đồng. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Võ Thị L bồi thường thiệt hại theo yêu cầu. Nay bà yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời buộc nguyên đơn bồi thường tiền thuê đốn xoài.

Xét thấy: Việc đốn bỏ xoài của nguyên đơn Võ Văn H, Đoàn Ngọc M do bị đơn Võ Thị L thuê ông Trần Văn Đường E, ông Võ Phú C thực hiện đã gây ra thiệt hại 73 cây xoài Đài Loan trên 08 năm tuổi mà cấp sơ thẩm xác định đã dựa trên Biên bản đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2020, Biên bản định giá ngày 21/6/2022 với giá 2.400.000đồng/1 cây (thành tiền 175.200.000đồng), nguyên đơn không chứng minh được việc ông C, ông Đường E là người tự ý đốn, chặt cây của ông bà, ông Đường E, ông C chỉ là những người làm công do bà L thuê, không phải tự ý chặt và không biết được đây là xoài của nguyên đơn. Do đó cấp sơ thẩm xác định lỗi chính trong việc gây thiệt hại xoài là bà L gây ra, đồng thời loại trừ trách nhiệm bồi thường của ông Đường E và ông C là có căn cứ.

Theo nội dung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2021/QĐST-DS ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, thì: ông H, bà M có nghĩa vụ trả cho bà L phần đất diện tích đo đạc thực tế 2.049m², tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc tờ bản đồ số 01, thửa 1946 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01462/rB ngày 29/8/1992 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Võ Thị L. Thời gian giao đất vào ngày 23/5/2021. Trong quyết định không đề cập về việc xử lý cây trồng trên đất như thế nào.

Lẽ ra sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2021/QĐST-DS ngày 03/3/2021 có hiệu lực, đồng thời, thời điểm giao nhận đất đã đến thì bà L phải làm đơn yêu cầu thi hành án đối với ông H, bà M theo đúng quy định của Luật Thi hành án dân sự nhưng ngày 23/5/2021 bà L lại thuê ông Đường E, ông C đốn, chặt 73 cây xoài Đài Loan của vợ chồng ông H, bà M để nhận lại đất là không đúng quy định pháp luật về thi hành án. Bà L cho rằng bà có yêu cầu ông H, bà M chặt cây thì bà M kêu bà tự chặt, tự chịu chi phí nhưng ngoài lời khai của bà L ra thì không có chứng cứ chứng minh. Do đó cấp sơ thẩm buộc bà L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L về việc buộc ông H, bà M có trách nhiệm trả bà số tiền 14.700.000 đồng, nhưng yêu cầu này được bà L thể hiện tại bản tự khai và sau khi Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên cấp sơ thẩm không có cơ sở xem xét là phù hợp quy định pháp luật.

Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Bà L kháng cáo nhưng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của bà L là không có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Lẽ ra khi yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà L là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà L.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
+ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 108/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C về án phí.

Căn cứ các Điều 13, 170, 364, khoản 1 Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587, 588, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M;
- Buộc bà Võ Thị L trả ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M số tiền 175.200.000 đồng (*một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới bồi thường của ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M đối với ông Trần Văn Đường E, ông Võ Phú C
- Ông Trần Văn Đường E, ông Võ Phú C không phải liên đới cùng bà Võ Thị L bồi thường cho ông Võ Văn H, bà Đoàn Ngọc M.

3. Về án phí: Bà Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- TAND huyện C;
- THA huyện C;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa dân sự, Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh